

Dell UltraSharp U2415

Hướng Dẫn Người Dùng

Dòng máy: U2415

Dòng máy theo quy định: U2415b



Chú Ý, Thận Trọng Và Cảnh Báo



CHÚ Ý: Thông tin CHÚ Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.



THẬN TRỌNG: Thông tin THẬN TRỌNG chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: Thông tin CẢNH BÁO chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

Bản quyền © 2014-2019 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền.

Thương hiệu được sử dụng trong văn bản này: *Dell* và logo *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; *Intel* là thương hiệu được đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và các nước khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. ENERGY STAR là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ. Là đối tác của ENERGY STAR, Dell Inc. xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn về hiệu quả năng lượng của ENERGY STAR.

Các nhãn hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này là để tham chiếu đến các mục thể hiện các nhãn hiệu và tên sản phẩm của chúng. Dell Inc. từ chối bất cứ sự quan tâm độc quyền nào trong thương hiệu và tên thương mại ngoài những thương hiệu và tên của nó.

Nội dung

1	Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn	5
	Thành Phần Trong Hộp	5
	Tính Năng Sản Phẩm	7
	Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển	8
	Thông Số Màn Hình	12
	Khả Năng Cắm và Chạy	21
	Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)	22
	Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD	23
	Hướng Dẫn Bảo Trì	24
2	Cài Đặt Màn Hình	25
	Lắp Chân Đế	25
	Kết Nối Màn Hình Của Bạn	26
	Quản Lý Cáp Của Bạn	32
	Lắp Nắp Cáp	32
	Tháo Chân Đế Màn Hình	33
	Tháo Nắp Cáp	33
	Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)	34
3	Sử Dụng Màn Hình	35
	Bật Nguồn Màn Hình	35
	Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước	35
	Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)	37
	Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa	51
	Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng	52
	Điều Chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn	56
4	Xử lý sự cố	57
	Tự kiểm tra	57
	Chẩn Đoán Tích Hợp	58
	Vấn Đề Thường Gặp	59
	Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm	61

Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)	62
Các Vấn Đề Cụ Thể Với Liên Kết Di Động Độ Phân Giải Cao (MHL)	62



5 Phụ Lục 63

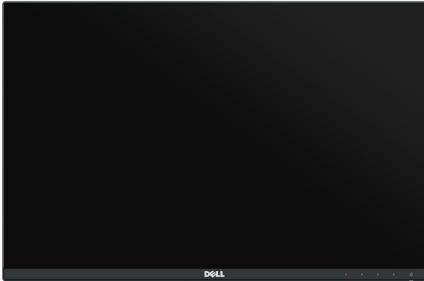


Thông Báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) Và Thông Tin Quy Định Khác	63
Liên hệ với Dell	63
Cài Đặt Màn Hình Của Bạn	64




Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và [Liên hệ với Dell](#) kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.

-  **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.
-  **CHÚ Ý:** Để lắp với chân đế khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để được hướng dẫn lắp đặt.

	Màn hình
	Chân đế
	Nắp nắp

	<p>Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp DP (Mini-DP sang DP)</p>
	<p>Cáp Nối Lên USB 3.0 (Lắp cổng USB trên màn hình)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh • Báo Cáo Hiệu Chuẩn Nhà Máy • Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định

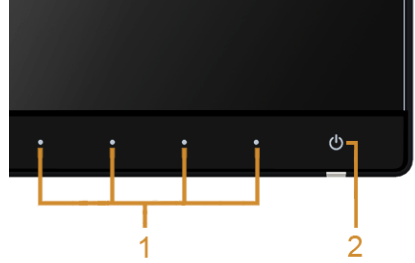
Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng **Dell U2415** có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng hiển thị nhìn được là 61,13 cm (24,1-inch) (đo chéo).
Độ phân giải 1920 x 1200, có thể hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hoặc đứng, hoặc khi di chuyển từ bên này sang bên kia.
- Nghiêng, xoay, kéo thẳng, và khả năng điều chỉnh xoay.
- Mép vát siêu mỏng làm giảm khoảng cách mép vát khi sử dụng đa màn hình, cho phép dễ dàng thiết lập để có trải nghiệm xem đẹp mắt.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Có đủ khả năng kết nối số với DisplayPort, mini DisplayPort, HDMI (MHL), USB 3.0 cho phép sử dụng hiệu quả màn hình của bạn cả về sau này.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Gam màu 99% sRGB với E Delta trung bình ≤ 3 .
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Tính năng Tiết Kiệm Điện tuân thủ tiêu chuẩn của Energy Star.
- Khe khóa an toàn.
- Khóa chân đế.
- Khả năng chuyển đổi từ góc rộng sang tỷ lệ khung hình tiêu chuẩn trong khi vẫn duy trì được chất lượng hình ảnh.
- EPEAT được đăng ký ở nơi có áp dụng. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo quốc gia. Xem www.epeat.net để biết tình hình đăng ký theo quốc gia.
- Màn hình U2415 không có BFR/PVC - (không có Halogen), trừ cáp bên ngoài.
- Màn Hình Hiển Thị Có Chứng Nhận Của TCO.
- Đáp ứng yêu cầu về rò rỉ NFPA 99.
- Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân.
- Hệ Số Độ Tương Phản Động Cao (2.000.000:1).
- Sử dụng 0,5 W điện chờ khi ở chế độ ngủ.
- Đồng Hồ Năng Lượng cho biết mức năng lượng màn hình sử dụng thực tế.
- Kiểm soát độ mờ đèn nền analog để màn hình không bị nháy.

Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

Nhìn Từ Trước



Điều khiển trên bảng điều khiển trước

Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử Dụng Màn Hình)
2	Nút Bật/Tắt nguồn (đèn báo LED)

Nhìn Từ Sau



Nhìn từ sau có chân đế

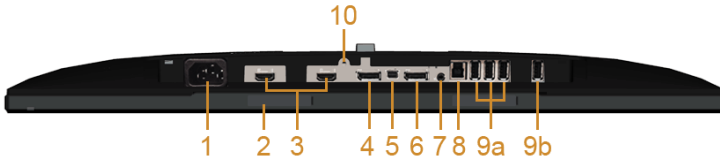
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau)	Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
3	Nút nhả chân đế	Nhả chân đế khỏi màn hình.
4	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
5	Nhãn số sê-ri mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
6	Cổng nối xuống USB*	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu nối lên USB trên màn hình.
7	Khe quản lý cáp	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách đặt chúng vào qua khe.

* Nên sử dụng cổng này cho thiết bị USB không dây bất cứ khi nào có thể.

Nhìn Từ Phía Bên



Nhìn Từ Dưới



Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối dây nguồn AC	Nối cáp nguồn.
2	Khe gắn Thanh âm thanh Dell	Lắp Thanh âm thanh Dell tùy chọn. (Giấu bên dưới tấm nhựa có thể tháo)
3	Đầu nối cổng HDMI (MHL)	Kết nối các thiết bị MHL với cáp MHL.
4	Đầu nối vào DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DP.
5	Đầu nối vào Mini DisplayPort	Kết nối máy tính của bạn với cáp Mini-DP sang DP.

6	Đầu nối ra DisplayPort (MST)	Đầu ra DisplayPort cho màn hình hỗ trợ MST (Truyền Phát Đa Luồng). Màn hình DP 1.1 chỉ có thể được kết nối làm màn hình cuối cùng trong chuỗi MST. Để kích hoạt MST, xem hướng dẫn trên phần " Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng DP (MST) ".
7	Đường ra tiếng	Kết nối với loa*.
8	Cổng nối lên USB	Kết nối cáp USB đi kèm với màn hình vào máy tính. Sau khi đã kết nối cáp này, bạn có thể sử dụng các đầu nối USB trên màn hình.
9 (a, b)	Cổng nối xuống USB	Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng đầu nối này sau khi đã kết nối cáp USB vào máy tính và vào đầu nối lên USB trên màn hình.**
10	Tính năng khóa chân đế	Đề khóa chân đế với màn hình, sử dụng vít M3 x 6 mm (vít không được đi kèm).

* Sử dụng tai nghe không được hỗ trợ cho đầu nối đường ra âm thanh.

** Nên sử dụng hoặc cổng (9b) hoặc cổng xuống USB ở phía sau của thiết bị USB không dây của bạn bất cứ khi nào có thể.

Thông Số Màn Hình

Thông Số Màn Hình Phẳng

Dòng máy	U2415
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Kiểu bảng	Tinh Thể Chuyển Hướng Trong Mặt Phẳng (IPS)
Hình ảnh xem được	
Chéo	611,30 mm (24,1 inch)
Vùng Hoạt Động, Ngang	518,40 mm (20,41 inch)
Vùng Hoạt Động, Dọc	324,00 mm (12,75 inch)
Vùng	167961,60 mm ² (260,35 inch ²)
Mật độ điểm ảnh	0,27 mm x 0,27 mm
Góc nhìn	Thông thường 178° (dọc) Thông thường 178° (ngang)
Công suất chiếu sáng	300 cd/m ² (thông thường) 50 cd/m ² (tối thiểu)
Hệ số tương phản	1000 đến 1 (thông thường) 2M đến 1 (Tương Phản Động thông thường bật)
Lớp phủ bản mặt	Chống lóa với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED
Thời gian phản hồi	Chế độ BÌNH THƯỜNG: 8 ms xám đến xám (thông thường) Chế độ NHANH: 6 ms xám đến xám (thông thường) Bật/Tắt: 19 ms đen đến trắng (thông thường)
Độ sâu màu	16,78 triệu màu
Gam màu	CIE1976 (91%), CIE 1931 (76%), và độ phủ sRGB 99%

Thông Số Độ Phân Giải

Dòng máy	U2415
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	1920 x 1200 ở 60 Hz

Chế độ video được hỗ trợ

Dòng máy	U2415
Khả năng phát video (phát HDMI & DP)	480p, 480i, 576p, 720p, 1080p, 576i, 1080i

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,0	60,0	154,0	+/-

Chế Độ Hiển Thị Nguồn MHL

Chế Độ Hiển Thị	Tần số (Hz)
640 x 480p	60
720 x 480p	60
720 x 576p	50
1280 x 720p	60
1280 x 720p	50
1920 x 1080i	60
1920 x 1080i	50
1920 x 1080p	30
1920 x 1080p	60
1920 x 1080p	50
720 (1440) x 480i	60
720 (1440) x 576i	50

Chế độ Truyền Phát Đa Luồng MST (MST)

Màn Hình Nguồn MST	Số lượng tối đa màn hình bên ngoài có thể được hỗ trợ	
	1920 x 1200 ở 60Hz	1920 x 1080 ở 60Hz
1920 x 1200 ở 60Hz	3	3
1920 x 1080 ở 60Hz	3	3

Thông Số Điện

Dòng máy	U2415
Tín hiệu vào video	<ul style="list-style-type: none">• HDMI1.4 (MHL 2.0)*, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai• DisplayPort 1.2**, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai
Điện áp AC/tần số/dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz/1,5 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none">• 120 V: 42 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)• 240 V: 80 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)

* Không hỗ trợ thông số kỹ thuật tùy chọn HDMI1.4, bao gồm HDMI Ethernet Channel (HEC), Audio Return Channel (ARC), tiêu chuẩn cho định dạng 3D và độ phân giải, tiêu chuẩn cho độ phân giải rạp chiếu phim kỹ thuật số 2K và 4K.

** Hỗ trợ thông số kỹ thuật DP1.2 (LỖI), bao gồm âm thanh HBR2, MST và DP.

Đặc Điểm Vật Lý

Dòng máy	U2415
Kiểu đầu nối	DP, đầu nối đen (bao gồm DP vào và DP ra); Mini DisplayPort; HDMI (MHL); USB 3.0
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">Số: tháo rời được, HDMI, 19 chânSố: tháo rời được, MHL, 19 chânSố: tháo rời được, Mini-DP sang DP, 20 chânCổng Kết Nối Đa Dụng: tháo rời được, USB, 9 chân
Kích thước (có chân đế)	
Chiều cao (kéo dài)	517,9 mm (20,39 inch)
Chiều cao (thu gọn)	402,9 mm (15,86 inch)
Chiều rộng	532,2 mm (20,95 inch)
Chiều sâu	205,0 mm (8,07 inch)
Kích thước (không có chân đế)	
Chiều cao	350,6 mm (13,80 inch)
Chiều rộng	532,2 mm (20,95 inch)
Chiều sâu	45,7 mm (1,80 inch)
Kích thước chân đế	
Chiều cao (kéo dài)	417,3 mm (16,43 inch)
Chiều cao (thu gọn)	371,6 mm (14,63 inch)
Chiều rộng	245,0 mm (9,65 inch)
Chiều sâu	205,0 mm (8,07 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng gồm bao bì	9,00 kg (19,80 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	6,69 kg (14,72 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	4,25 kg (9,35 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	2,10 kg (4,62 lb)
Độ bóng khung trước	Khung Đen - 8%-13% đơn vị độ bóng

Đặc Tính Môi Trường

Dòng máy	U2415
Nhiệt độ	
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)
Độ ẩm	
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ)Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Hoạt động	5.000 m (16.404 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
Tản nhiệt	
	<ul style="list-style-type: none">255,91 BTU/giờ (tối đa)78,63 BTU/giờ (thông thường)

Chế Độ Quản Lý Điện

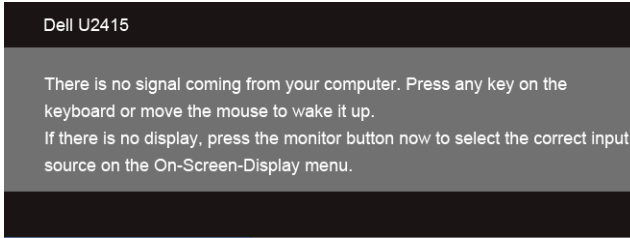
Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là *Power Save Mode (Chế Độ Tiết Kiệm Điện)**. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

Chế Độ VESA	Đồng Bộ Ngang	Đồng Bộ Dọc	Video	Đèn Báo Nguồn	Tiêu Thụ Điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	75 W (tối đa)** 23 W (thông thường)
Chế độ chờ	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (phát sáng)	Nhỏ hơn 0,5 W
Tắt nguồn	-	-	-	Tắt	Nhỏ hơn 0,5 W

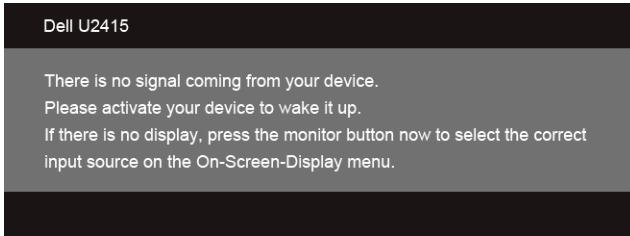
Energy Star	Tiêu Thụ Điện
P _{on}	17,8 W
E _{TEC}	60,6 kWh

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Khi có bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ chờ, một trong những thông báo sau sẽ được hiển thị:

Đầu vào HDMI (MHL)/Mini DisplayPort/DP



Đầu vào HDMI (MHL)



Bật máy tính và màn hình để tiếp cận chế độ OSD.



CHÚ Ý: Màn hình này được chứng nhận **ENERGY STAR**.



CHÚ Ý:

P_{on}: Tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

E_{TEC}: Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

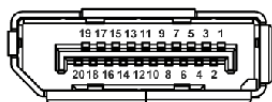
* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ OFF (TẮT) bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

** Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa và USB hoạt động.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi, tùy vào phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách nào khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.

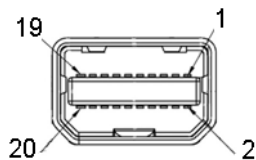
Chỉ Định Chân

Đầu nối DisplayPort



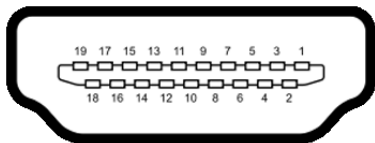
Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	ML0(p)
2	GND
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND
12	ML3(n)
13	GND
14	GND
15	AUX(p)
16	GND
17	AUX(n)
18	GND
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

Đầu nối Mini DisplayPort



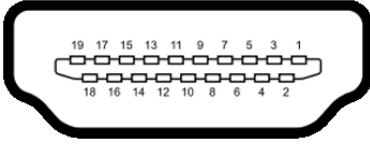
Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cấp Tín Hiệu Kết Nối
1	GND
2	Phát Hiện Cắm Nóng
3	ML3(n)
4	GND
5	ML3(n)
6	GND
7	GND
8	GND
9	ML2(n)
10	ML0(p)
11	ML2(p)
12	ML0(p)
13	GND
14	GND
15	ML1(n)
16	AUX(p)
17	ML1(p)
18	AUX(n)
19	GND
20	+3,3 V DP_PWR

Đầu nối HDMI



Số Chân	Mặt 19 Chân Của Cấp Tín Hiệu Kết Nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẴN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẴN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẴN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẴN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5 V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG

Đầu nối MHL



Số Chân	Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	GND
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	MHL+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	MHL-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	GND
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	GND
18	VBUS (+5 V, 900 mA tối đa)
19	CBUS

Khả Năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử Dụng Màn Hình](#).


Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về cổng USB có trên màn hình.

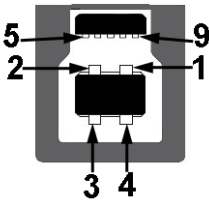


CHÚ Ý: Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh.

Tốc Độ Truyền	Tốc Độ Dữ Liệu	Tiêu Thụ Điện*
Tốc độ cực nhanh	5 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

* Lên đến 2A trên cổng xuống USB (cổng có biểu tượng tia sét ) với các thiết bị tuân thủ BC1.2 hoặc các thiết bị USB thông thường.

Đầu Nối Lên USB




Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSTX-
6	SSTX+
7	GND
8	SSRX-
9	SSRX+

Đầu Nối Xuống USB



Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSRX-
6	SSRX+
7	GND
8	SSTX-
9	SSTX+

Cổng USB

- 1 lên - sau
- 5 xuống - sau
- Cổng Sạc Nguồn - cổng có biểu tượng tia sét ; hỗ trợ khả năng nạp điện nhanh, nếu thiết bị tương thích BC1.2.



CHÚ Ý: Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.



CHÚ Ý: Giao diện USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang Bật hoặc ở trong chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

Hướng Dẫn Bảo Trì

Vệ Sinh Màn Hình



THẬN TRỌNG: Đọc và làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.

Cài Đặt Màn Hình

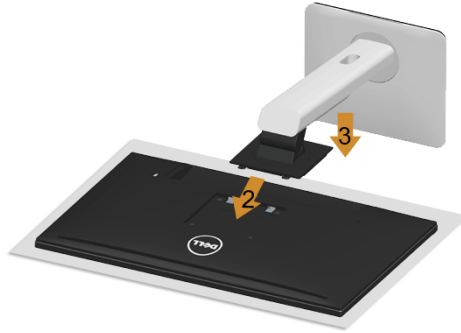
Lắp Chân Đế



CHÚ Ý: Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



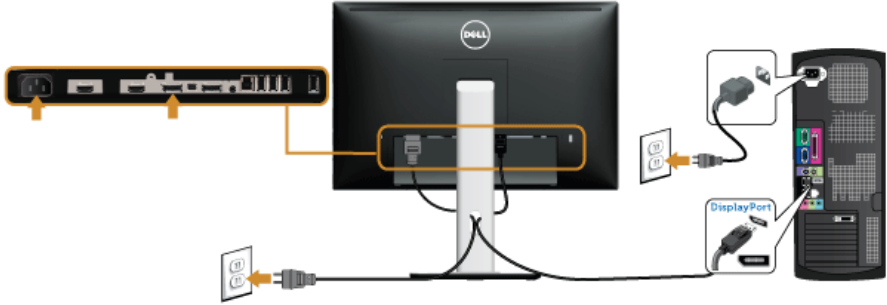
CHÚ Ý: Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.



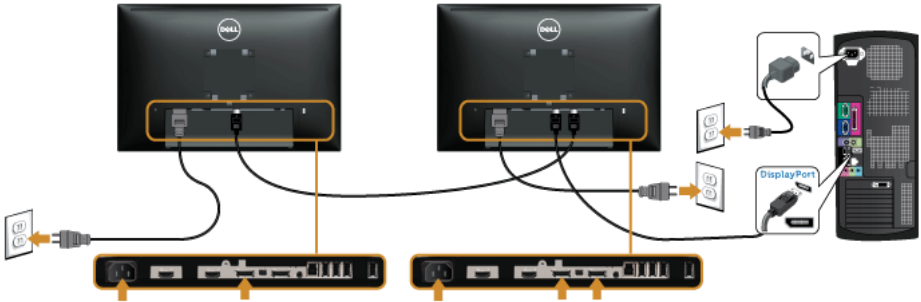
Để lắp chân đế màn hình:

- 1 Tháo nắp và đặt màn hình lên.
- 2 Lắp hai tab ở phần trên của chân đế vào rãnh phía sau màn hình.
- 3 Ấn chân đế vào cho đến khi nó khớp vào vị trí.

Kết nối cáp DisplayPort đen (DP sang DP)



Kết nối màn hình có chức năng Truyền Phát Đa Luồng DP (MST)



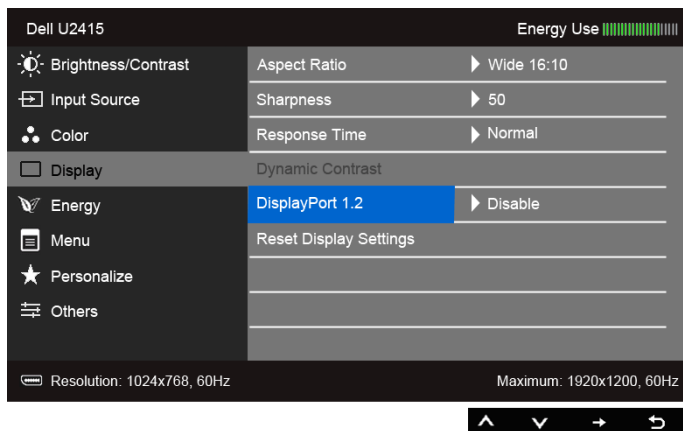
CHÚ Ý: U2415 hỗ trợ tính năng DP MST. Để sử dụng tính năng này, các đồ họa máy tính của bạn phải theo chuẩn DP1.2 có tùy chọn MST.

Cài đặt mặc định ra khỏi nhà máy của U2415 là DP1.1a.

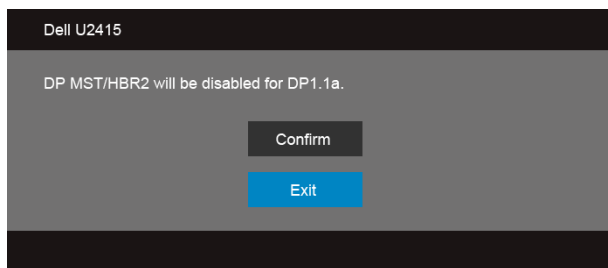
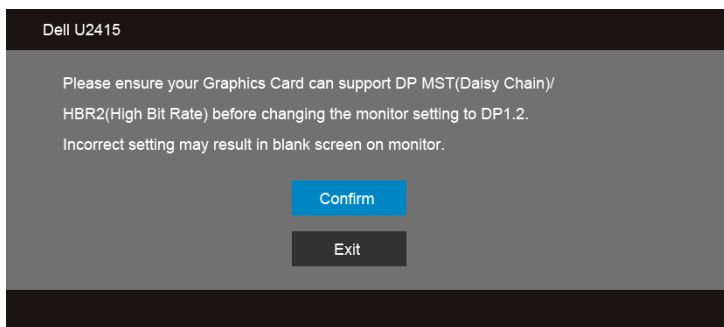
Để kích hoạt kết nối MST, hãy chỉ sử dụng cáp DP được cung cấp trong hộp (hoặc cáp theo chuẩn DP1.2 khác) và thay đổi cài đặt DP sang DP1.2 bằng cách thực hiện các bước dưới đây:

A) Màn hình có thể hiển thị nội dung



- 1 Sử dụng nút OSD để điều hướng sang **Display (Hiển Thị)**.

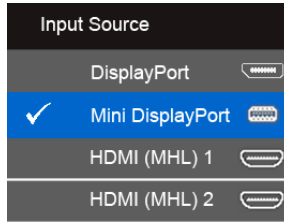



- 2 Vào lựa chọn **DisplayPort 1.2**.
- 3 Chọn **Enable (Mở)** hoặc **Disable (Đóng)** cho phù hợp.
- 4 Làm theo thông báo trên màn hình để xác nhận chọn DP1.2 hoặc DP1.1a.

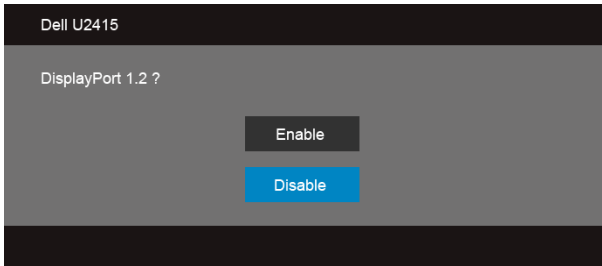




B) Màn hình không hiển thị bất kỳ nội dung (màn hình trống)

- 1 Sử dụng nút  và  để làm nổi bật **DisplayPort** hoặc **Mini DisplayPort**.



- 2 Nhấn và giữ  khoảng 8 giây.
- 3 Thông báo cấu hình DisplayPort sẽ xuất hiện:



- 4 Sử dụng nút  để bật DP1.2 hoặc nút  để thoát mà không thực hiện bất kỳ thay đổi nào.

Lặp lại các bước trên để thay đổi cài đặt trở lại DP1.1a nếu cần.

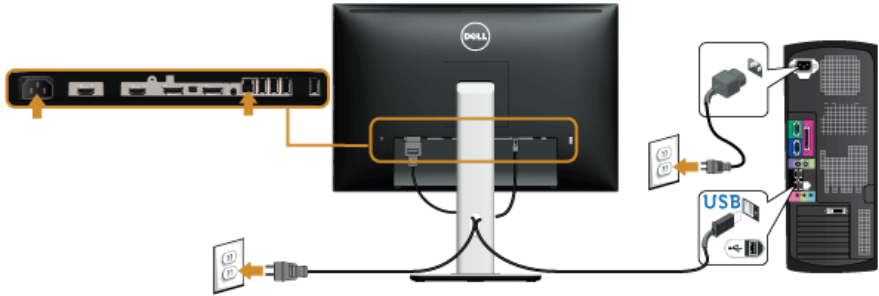


THẬN TRỌNG: Các đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.





Kết nối cáp USB 3.0

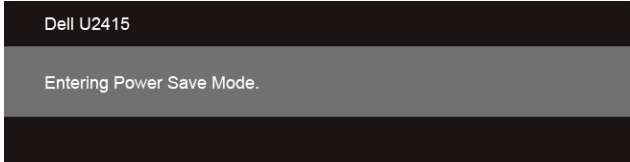
Sau khi bạn đã kết nối xong cáp Mini-DP sang DP/DP/HDMI, hãy làm theo các bước bên dưới để kết nối cáp USB 3.0 với máy tính và hoàn tất cài đặt màn hình của bạn:

- 1 Kết nối cổng lên USB 3.0 (cáp được cung cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [Nhìn Từ Dưới](#) để biết chi tiết.)
- 2 Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với cổng USB 3.0 xuống trên màn hình.
- 3 Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.
- 4 Bật màn hình và máy tính.
Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).
- 5 Sử dụng khe cáp trên chân đế màn hình để màn hình để quản lý cáp.



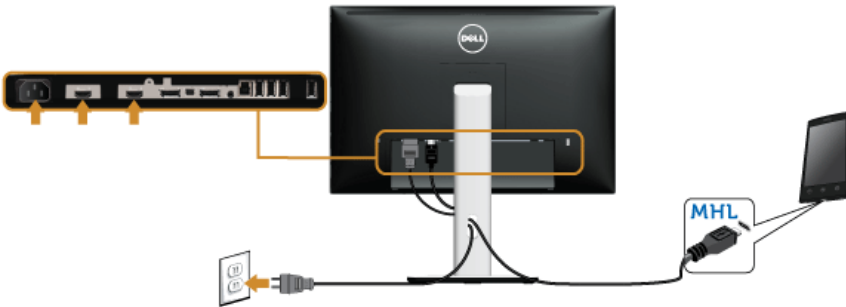
Sử dụng Liên Kết Di Động Độ Phân Giải Cao (MHL)

-  **CHÚ Ý:** Màn hình này có chứng nhận MHL.
-  **CHÚ Ý:** Để sử dụng chức năng MHL, chỉ sử dụng cáp MHL và các thiết bị nguồn được chứng nhận có hỗ trợ đầu ra MHL.
-  **CHÚ Ý:** Một số thiết bị nguồn MHL có thể mất hơn vài giây hoặc lâu hơn để xuất ra hình ảnh, tùy thuộc vào các thiết bị nguồn MHL.
-  **CHÚ Ý:** Khi thiết bị nguồn MHL được kết nối vào chế độ Chờ, màn hình sẽ hiển thị màn hình màu đen hoặc thông báo dưới đây, tùy thuộc đầu ra của thiết bị nguồn MHL.



Để kích hoạt kết nối MHL, hãy thực hiện các bước dưới đây:

- 1 Cắm cáp nguồn trên màn hình của bạn vào một ổ cắm AC.
- 2 Kết nối cổng USB (micro) trên thiết bị nguồn MHL vào cổng HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2 trên màn hình bằng cáp MHL có chứng nhận (Xem [Nhìn Từ Dưới](#) để biết chi tiết).
- 3 Bật màn hình và thiết bị nguồn MHL.




- 4 Chọn nguồn vào trên màn hình là HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2 bằng cách sử dụng Menu OSD (Xem [Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình \(OSD\)](#) để biết chi tiết.)
- 5 Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Các Vấn Đề Cụ Thể Với Liên Kết Di Động Độ Phân Giải Cao \(MHL\)](#).

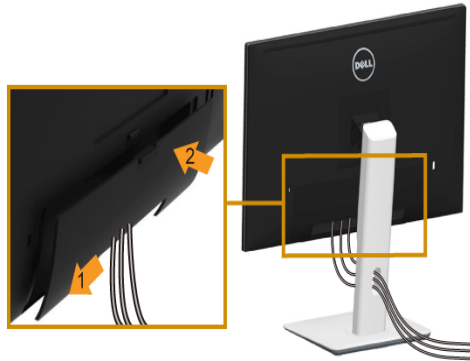
Quản Lý Cáp Của Bạn



Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem [Kết Nối Màn Hình Của Bạn](#) về lắp cáp,) sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.

Lắp Nắp Cáp

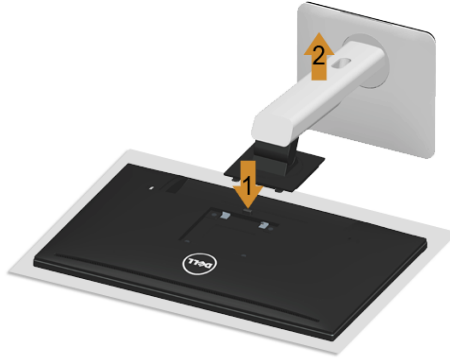
 **CHÚ Ý:** Nắp cáp được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



- 1 Lắp hai tab ở phần dưới của nắp cáp vào rãnh phía sau màn hình.
- 2 Ấn nắp cáp vào cho đến khi nó khớp vào vị trí.

Tháo Chân Đế Màn Hình

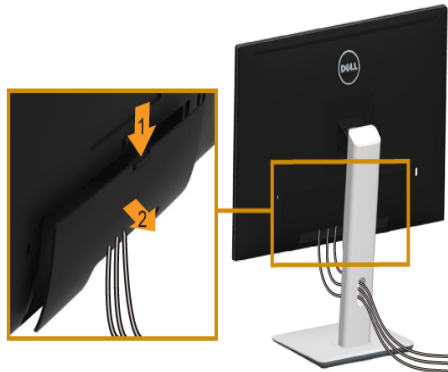
- CHÚ Ý:** Để ngăn ngừa xước màn hình LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.
- CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.



Để tháo chân đế:

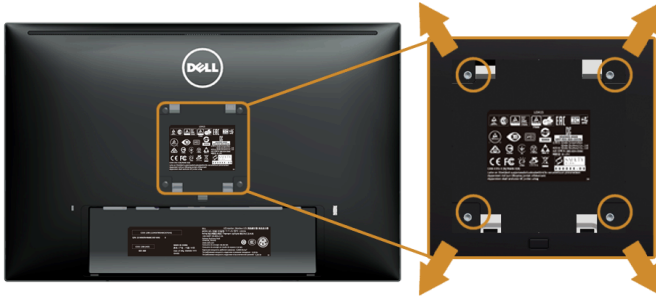
- 1 Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
- 2 Nhấn và giữ nút nhả chân đế.
- 3 Nhấc chân đế ra khỏi màn hình.

Tháo Nắp Cáp



- 1 Nhấn vào tab trên nắp cáp.
- 2 Tháo hai tab ở phần dưới của nắp cáp khỏi rãnh phía sau màn hình.

Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.


- 1 Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- 2 Tháo chân đế.
- 3 Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
- 4 Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
- 5 Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.

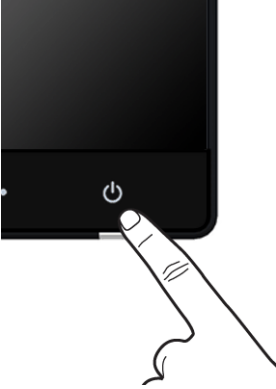


CHÚ Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 5,88 kg.

Sử Dụng Màn Hình

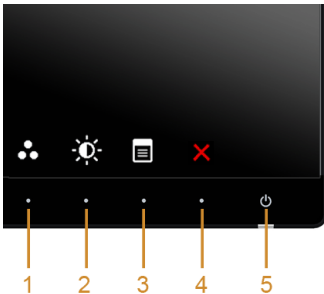
Bật Nguồn Màn Hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước

Sử dụng các nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các đặc điểm của ảnh đang được hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số về những đặc điểm khi chúng thay đổi.

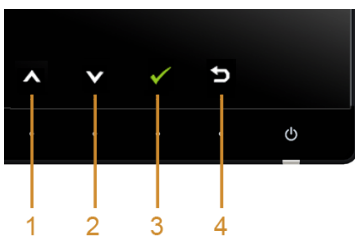



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:




Nút Bảng Điều Khiển Trước	Mô tả
<p>1</p>  <p>Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)</p>	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.
<p>2</p>  <p>Phím tắt/ Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</p>	Sử dụng nút này để truy cập trực tiếp menu Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .
<p>3</p>  <p>Menu</p>	Sử dụng nút MENU để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn Menu OSD. Xem Truy Cập Hệ Thống Menu .
<p>4</p>  <p>Thoát</p>	Sử dụng nút này để quay trở lại menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
<p>5</p>  <p>Nguồn (có đèn báo nguồn)</p>	Sử dụng nút Nguồn để Bật và Tắt màn hình. Đèn trắng cho biết màn hình là Bật và hoạt động hoàn toàn. Đèn trắng sáng báo hiệu chế độ tiết kiệm điện.

Nút Bảng Điều Khiển Trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.





Nút Bảng Điều Khiển Trước	Mô tả
<p>1</p>  <p>Lên</p>	Sử dụng nút Lên để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.

2		Sử dụng nút Xuống để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3		Sử dụng nút OK để xác nhận lựa chọn.
4		Sử dụng nút Quay lại để trở lại menu trước.

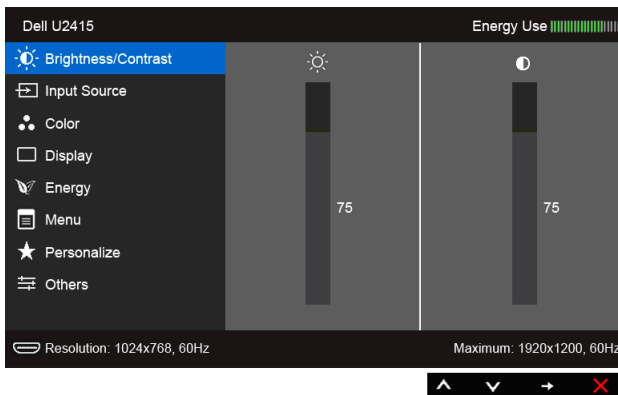
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

Truy Cập Hệ Thống Menu

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

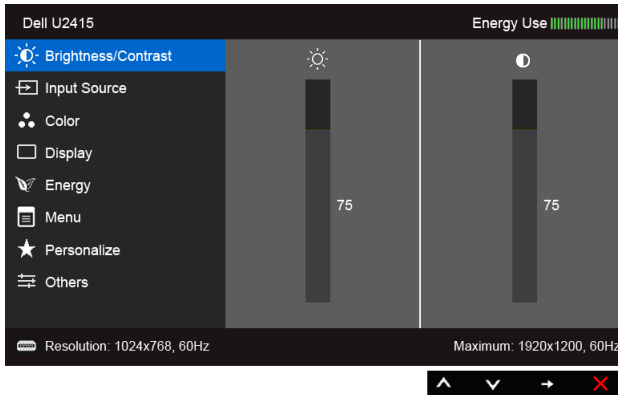
- 1 Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

Menu Chính cho vào (HDMI (MHL) 1/HDMI (MHL) 2) số



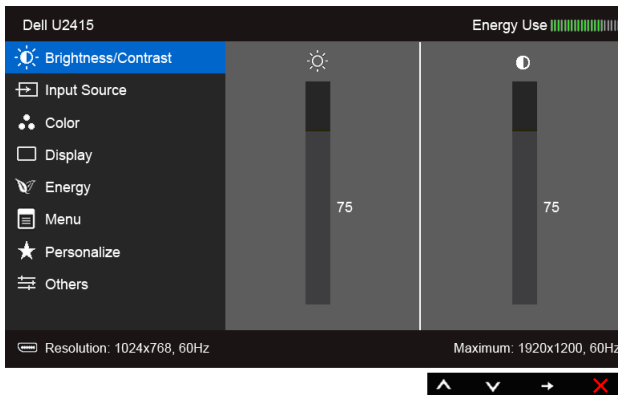
hoặc










Menu Chính cho đầu vào (mini DisplayPort) số



hoặc

Menu Chính cho vào (DP) số



- 2 Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
- 3 Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.
- 4 Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
- 5 Nhấn  để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút  và , theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
- 6 Chọn nút  để quay trở lại menu chính.

**Biểu
tượng**

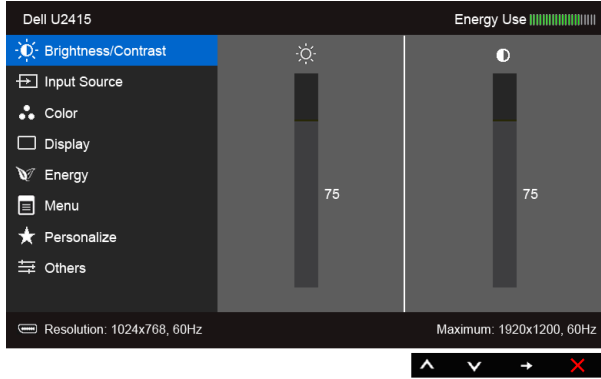
**Menu và Menu
phụ**

Mô tả





**Brightness/
Contrast**
(Độ sáng/Độ
tương phản)

Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast** (Độ sáng/Độ tương phản).



Brightness
(Độ sáng)



Brightness (Độ sáng) điều chỉnh độ sáng của đèn nền.

Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).

CHÚ Ý: Điều chỉnh bằng tay **Brightness (Độ sáng)** bị tắt khi **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** được chuyển sang Bật.

**Contrast (Độ
tương phản)**

Trước tiên, điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)**, sau đó điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần điều chỉnh thêm.

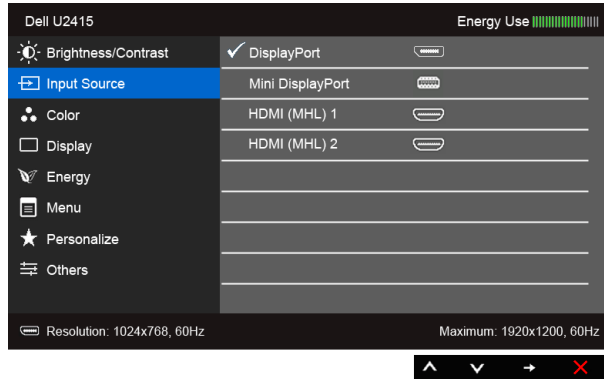
Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100).

Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.



Input Source (Nguồn Đầu Vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



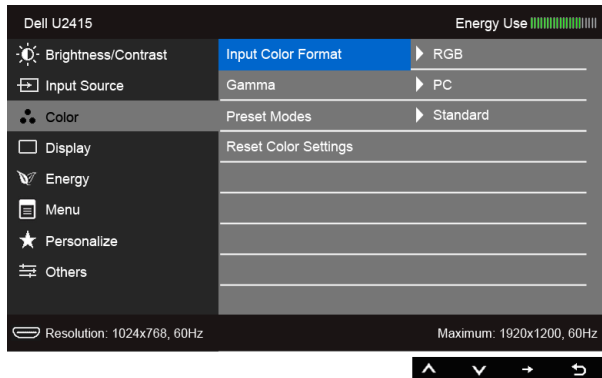
DisplayPort Chọn đầu vào **DisplayPort** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấn **→** để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.

Mini DisplayPort Chọn đầu vào **Mini DisplayPort** khi bạn sử dụng đầu nối Mini DisplayPort (Mini DP). Nhấn **→** để chọn nguồn đầu vào Mini DisplayPort.

HDMI (MHL) 1 Chọn đầu vào **HDMI (MHL) 1** hoặc **HDMI (MHL) 2** khi bạn sử dụng các đầu nối HDMI. Nhấn **→** để chọn nguồn đầu vào HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2.



Color (Màu) Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.



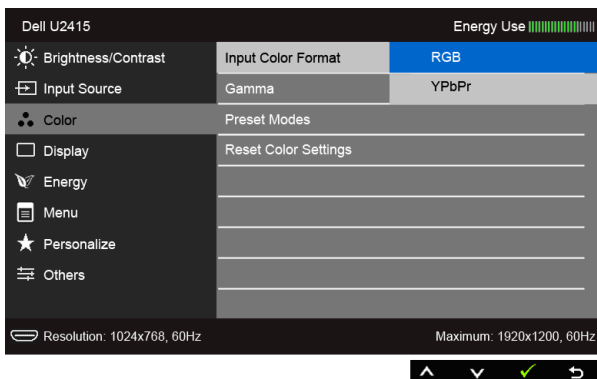
Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)

Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:

RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp HDMI (hoặc cáp DisplayPort); hoặc các thiết bị MHL bằng cáp MHL.

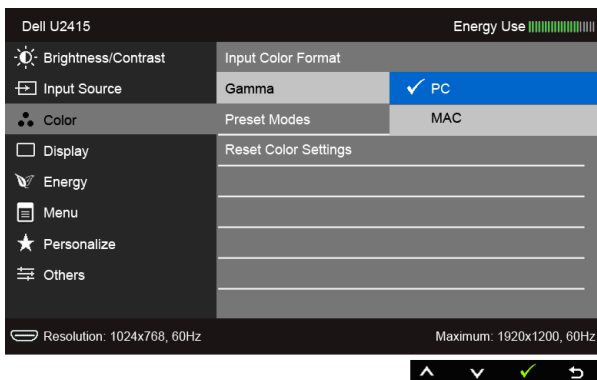
YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với hoặc đầu DVD qua kết nối YPbPr bằng cáp HDMI (hoặc cáp DisplayPort); hoặc các thiết bị MHL qua kết nối YPbPr bằng cáp MHL.

Hoặc nếu cài đặt đầu ra màu DVD (hoặc các thiết bị MHL) không phải là RGB.



Gamma (Gama)



Cho phép bạn đặt **Gamma (Gama)** sang **PC** hoặc **MAC**.

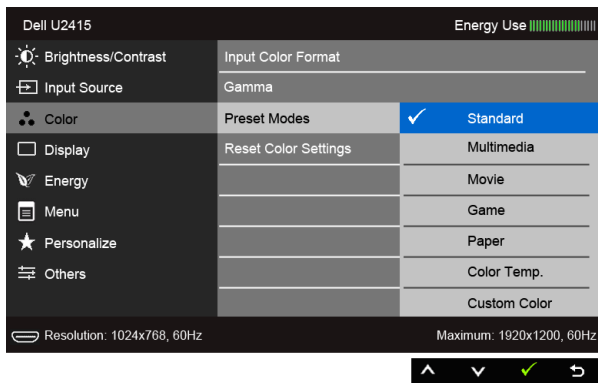




Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)


Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu Chuẩn)**, **Multimedia (Đa Phương Tiện)**, **Movie (Phim)**, **Game (Trò chơi)**, **Paper (Giấy)**, **Color Temp. (Nhiệt Độ Màu)**, hoặc **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)** từ danh sách.


- **Standard (Tiêu Chuẩn)**: Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **Multimedia (Đa Phương Tiện)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho phim.
- **Game (Trò chơi)**: Tải cài đặt màu lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi trò chơi.
- **Paper (Giấy)**: Tải cài đặt độ sáng và độ nét lý tưởng để xem văn bản. Trộn nền văn bản để mô phỏng phương tiện truyền thông bằng giấy mà không ảnh hưởng đến ảnh màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.
- **Color Temp. (Nhiệt Độ Màu)**: Cho phép người dùng chọn nhiệt độ màu: 5000K, 5700K, 6500K, 7500K, 9300K và 10000K.
- **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)**: Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu.

Nhấn nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.






Hue (Màu sắc) Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu sắc từ '0' sang '100'.


Nhấn  để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.

Nhấn  để tăng màu tím của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Chính Hue (Màu sắc) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **Movie (Phim)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

Saturation (Độ bão hòa) Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa từ '0' sang '100'.

Nhấn  để tăng màu đen trắng của hình ảnh video.

Nhấn  để tăng màu sắc của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Chinh Saturation (Độ bão hòa) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **Movie (Phim)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

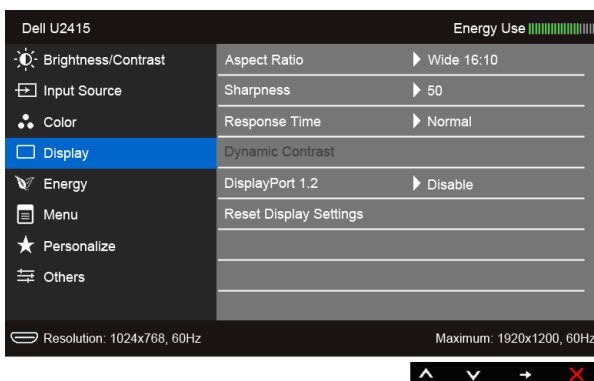
Reset Color Settings (Đặt Lại Cài Đặt Màu)

Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.



Display (Hiển Thị)



Sử dụng **Display (Hiển Thị)** để điều chỉnh ảnh.



Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)

Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **Wide 16:10 (Rộng 16:10)**, **4:3**, hoặc **5:4**.

Sharpness (Độ Nét)

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ nét từ '0' sang '100'.

Response Time (Thời Gian Phản Hồi)

Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.


Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)

Cho phép bạn tăng mức tương phản để ảnh có chất lượng chi tiết hơn và sắc nét hơn.

Nhấn nút  để chọn **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)".

CHÚ Ý: Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) cung cấp tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài đặt sẵn **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**.

DisplayPort 1.2

Nhấn  để bật hoặc tắt **DisplayPort 1.2**.

Để sử dụng tính năng DP MST (Chuỗi Truyền Dẫn) hoặc tính năng HBR2, bật DP1.2.

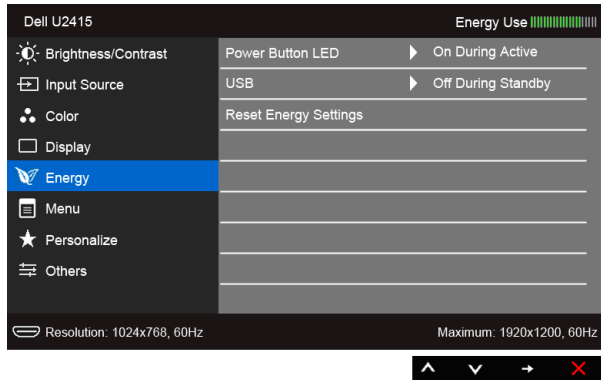
CHÚ Ý: Đảm bảo các đồ họa của bạn có thể hỗ trợ các tính năng này trước khi lựa chọn DP1.2. Cài đặt sai có thể dẫn đến màn hình trống. Một số các đồ họa không hỗ trợ MCCS (Bộ Lệnh Điều Khiển Màn Hình) tại DP1.2. Trong những trường hợp này, DDM (Dell Display Manager) có thể không chạy.

Reset Display Settings (Cài Đặt Lại Cài Đặt Hiển Thị)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.



Energy (Năng Lượng)



Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)

Cho phép bạn đặt Bật hoặc Tắt đèn báo LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

USB

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ chờ màn hình.

CHÚ Ý: BẬT/TẮT USB trong chế độ chờ chỉ có sẵn khi cáp lên USB được rút. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cáp lên USB được cấp vào.

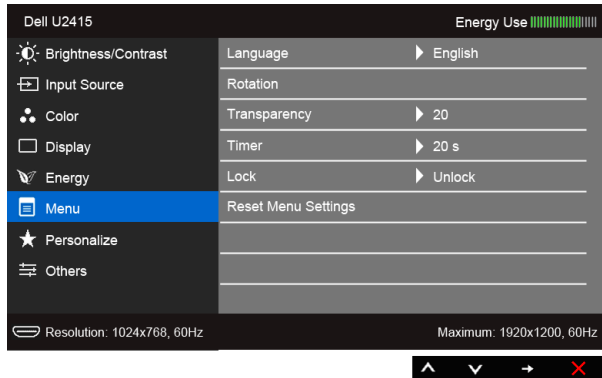
Reset Energy Settings (Đặt Lại Cài Đặt Năng Lượng)

Chọn tùy chọn này để khôi phục cài đặt **Energy (Năng Lượng)** mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.

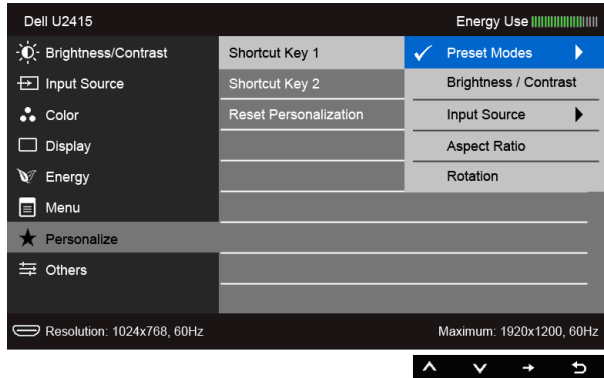


Language (Ngôn ngữ)	Các tùy chọn Language (Ngôn ngữ) đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).
Rotation (Xoay)	Xoay OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể điều chỉnh menu theo Xoay Hiển Thị của bạn.
Transparency (Độ trong suốt)	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn các nút và (Tối thiểu: 0 ~ Tối đa: 100).
Timer (Hẹn giờ)	OSD Hold Time (Thời Gian Chờ OSD): đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối. Sử dụng hoặc để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
Lock (Khóa)	Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi Lock (Khóa) được chọn, người dùng không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đều bị khóa. CHÚ Ý: Chức năng Lock (Khóa) – Dù là khóa mềm (thông qua menu OSD) hoặc khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây) Chức năng Unlock (Mở khóa) – Chỉ mở khóa cứng (nhấn và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây)
Reset Menu Settings (Đặt Lại Cài Đặt Menu)	Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

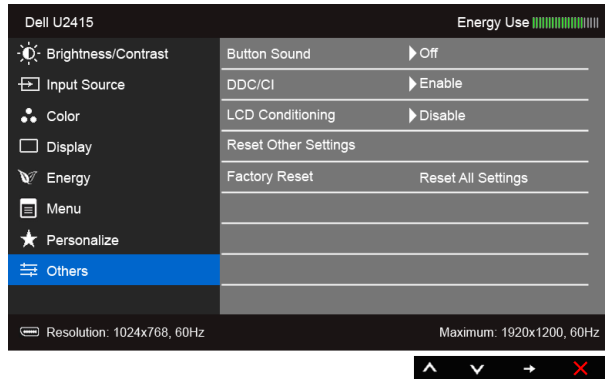


Personalize (Cá nhân hóa điện thoại)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, hoặc **Rotation (Xoay)** và đặt nó làm phím tắt.



Others (Khác)



Button Sound (Nút Âm Thanh)

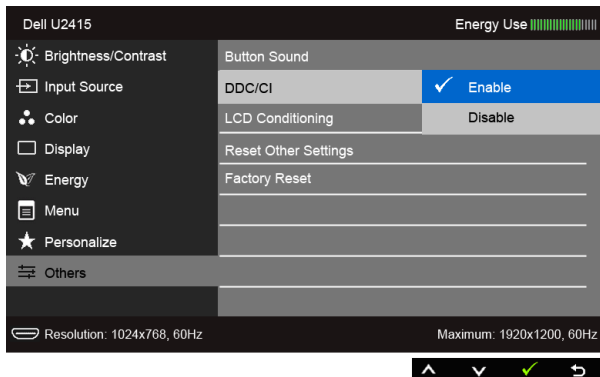
Màn hình phát ra tiếng bíp mỗi khi một tùy chọn mới được chọn trong menu. Tính năng này cho phép bật hoặc tắt âm thanh.

DDC/CI

DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn.

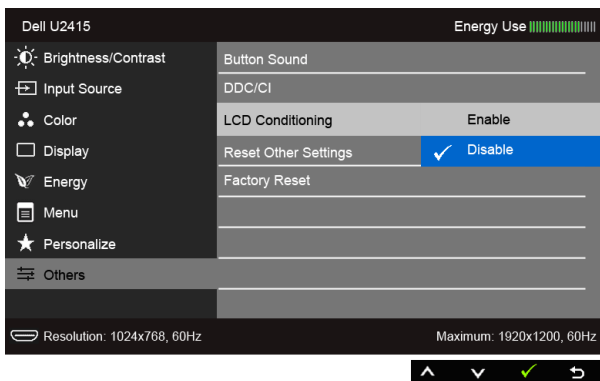
Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Disable (Đóng)**.

Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Mở)**.



Reset Other Settings (Đặt Lại Các Cài Đặt Khác)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)

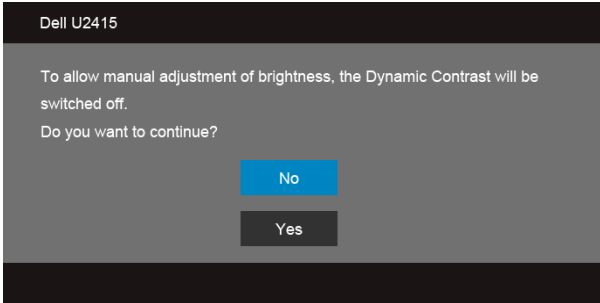
Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



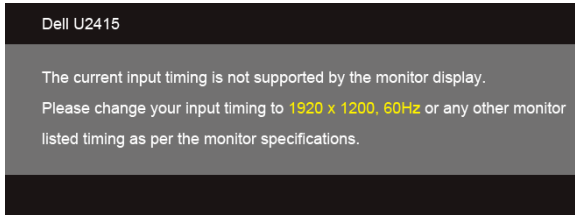
CHÚ Ý: Màn hình này có tích hợp tính năng tự động hiệu chỉnh độ sáng để bù đắp cho sự lão hóa đèn LED.

Thông Báo Cảnh Báo OSD

Khi tính năng **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** được bật (trong các chế độ cài đặt trước này: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), điều chỉnh độ sáng bằng tay bị vô hiệu.

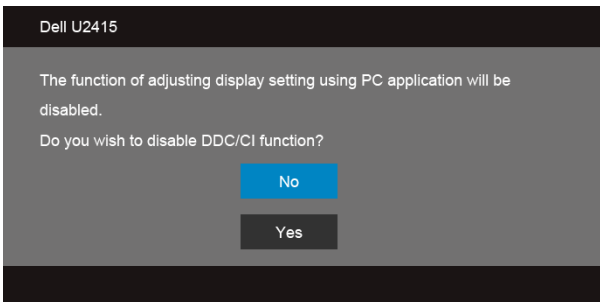


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:

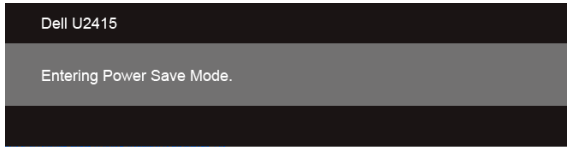


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Màn Hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1200.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng DDC/CI bị tắt:



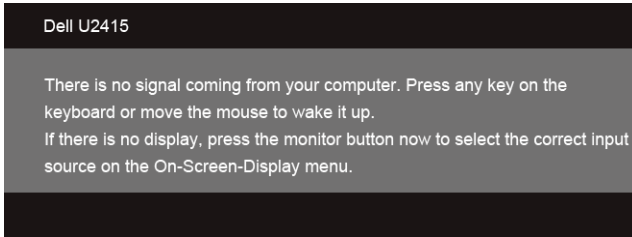
Khi màn hình vào chế độ **Power Save (Tiết Kiệm Điện)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



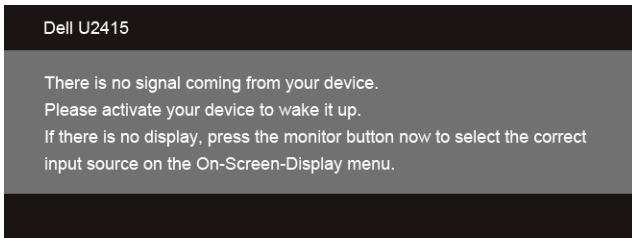
Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào **OSD**.

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thì một trong những thông báo sau đây sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:

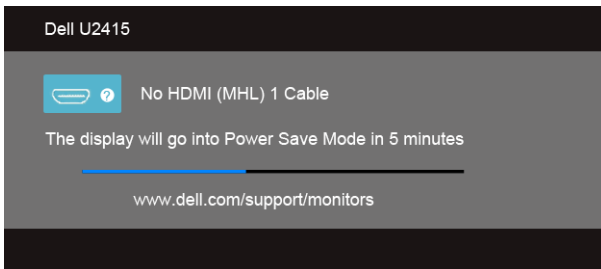
Đầu vào HDMI (MHL)/Mini DisplayPort/DP



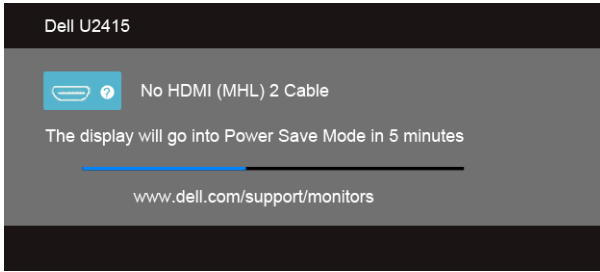
Đầu vào HDMI (MHL)



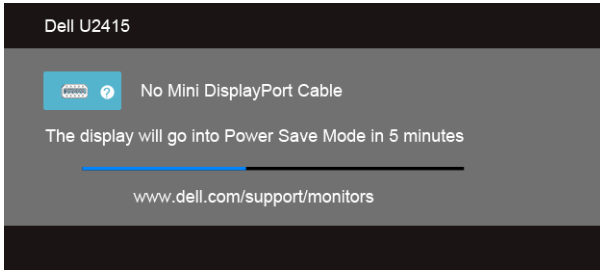
Nếu đầu vào HDMI (MHL), Mini DisplayPort, hoặc DP được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



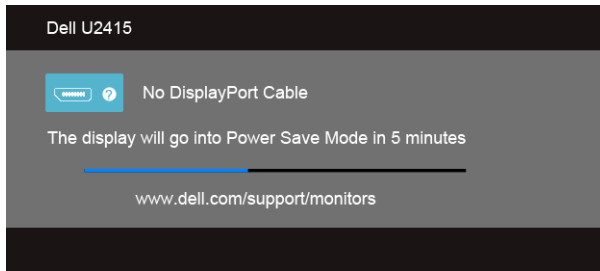
hoặc



hoặc



hoặc



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Chỉ với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
- 3 Nhấp vào danh sách Thả Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **1920 x 1200**.
- 4 Nhấp vào **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
- 2 Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1200**.
- 4 Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 1920 x 1200, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Đi đến <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

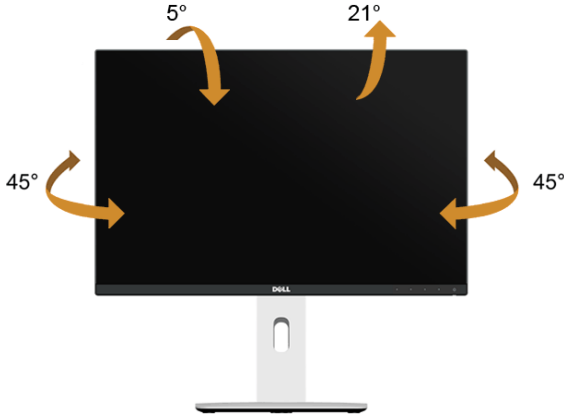
- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng

CHÚ Ý: Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Nghiêng, Xoay

Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



CHÚ Ý: Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

Kéo Thẳng

CHÚ Ý: Chân đế kéo thẳng đến 115 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



Xoay màn hình

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn (**Kéo Thẳng**) và nghiêng hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.



Xoay theo chiều kim đồng hồ



Xoay ngược chiều kim đồng hồ



Lắp ngược (180°)



CHÚ Ý: Để lắp ngược (180°), tháo chân đế và sử dụng giải pháp treo tường (tùy chọn).



CHÚ Ý: Để sử dụng chức năng Xoay Hiển Thị (giao diện **Phong cảnh** ngược với **Chân dung**) với máy tính Dell, bạn cần có trình điều khiển đồ họa cập nhật không kèm theo màn hình này. Để tải về trình điều khiển đồ họa, đi đến www.dell.com/support và xem phần **Tài xuống** của **Trình điều khiển Video** để có các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.



CHÚ Ý: Khi ở trong **Chế Độ Giao Diện Chân Dung**, bạn có thể gặp hiện tượng suy giảm hiệu suất trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Chơi trò chơi 3D và v.v).

Cài Đặt Màn Hình Kép

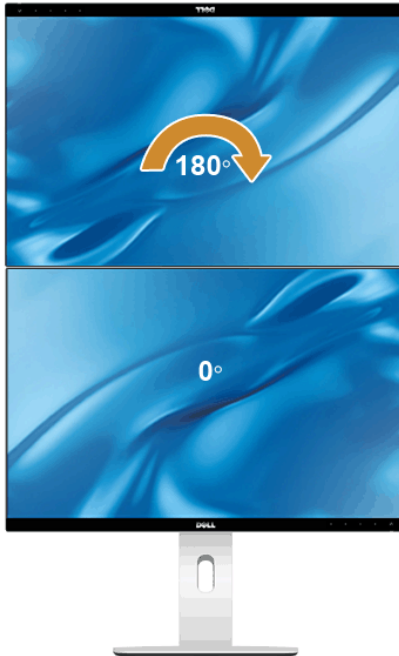
Khả năng xoay 90° theo chiều kim đồng hồ, 90° ngược chiều kim đồng hồ và lật ngược (180°) cho phép đặt các mép mỏng nhất của mỗi màn hình đặt cạnh nhau để đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các hình ảnh hiển thị.

Kiểu cài đặt màn hình kép được khuyến dùng:

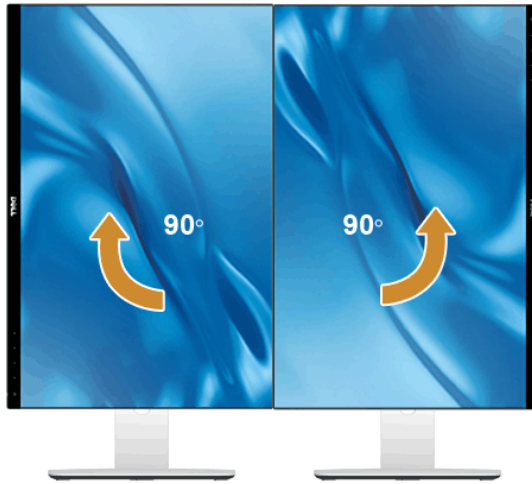
Phong cảnh (song song)



Phong cảnh (Trên-dưới)



Được hỗ trợ bằng giải pháp treo tường (tùy chọn)



Điều Chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, cần phải hoàn thành các bước dưới đây để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay cho hệ thống của bạn.

CHÚ Ý: Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải là máy Dell, thì bạn cần phải đi đến trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về việc xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thuộc tính**.
- 2 Chọn tab **Thiết đặt** và nhấp vào **Chuyên sâu**.
- 3 Nếu bạn có các đồ họa ATI, chọn tab **Xoay** và đặt kiểu xoay ưa thích.
- 4 Nếu bạn có các đồ họa nVidia, nhấp vào tab **nVidia**, ở cột tay trái, chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
- 5 Nếu bạn có các đồ họa Intel®, chọn tab đồ họa **Intel**, nhấp vào **Thuộc Tính Đồ Họa**, chọn tab **Xoay**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.

CHÚ Ý: Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó không hoạt động tốt, đi đến www.dell.com/support và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Xử lý sự cố



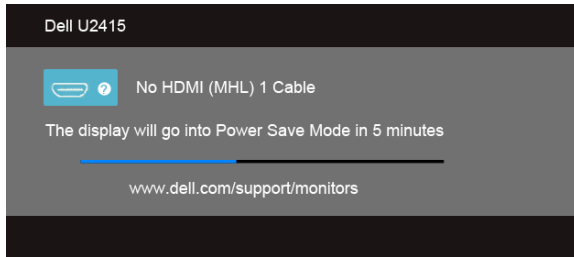
CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

Tự kiểm tra

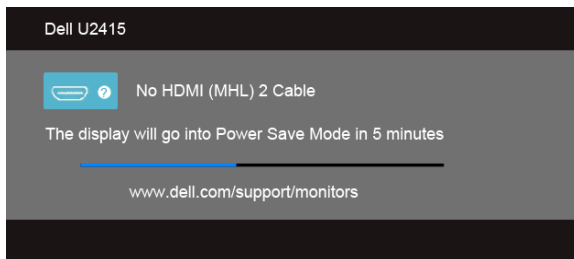
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

- 1 Tắt cả máy tính và màn hình.
- 2 Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, tháo tất cả các cáp số khỏi phía sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

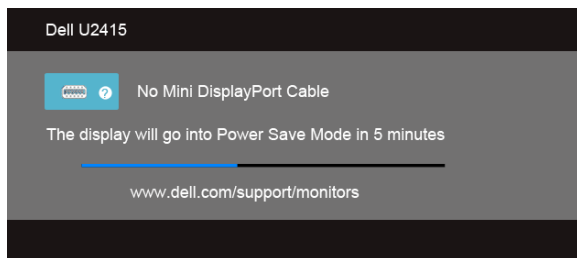
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



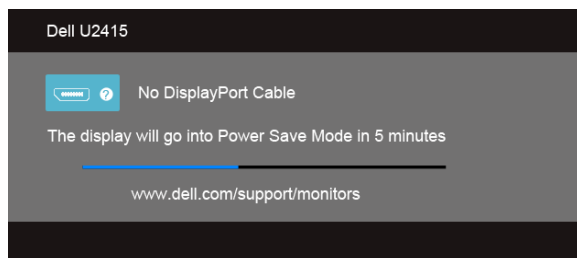
hoặc



hoặc




hoặc

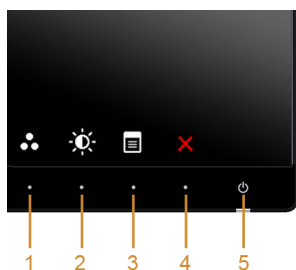


- Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình. Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

Chẩn Đoán Tích Hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và các video.

 **CHÚ Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

- 1 Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
- 2 Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
- 3 Đồng thời nhấn và giữ **Nút 1** và **Nút 4** trên bảng điều khiển trước trong 2 giây. Màn hình xám sẽ xuất hiện.
- 4 Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
- 5 Nhấn lại vào **Nút 4** trên bảng điều khiển trước. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
- 6 Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
- 7 Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá, xanh, đen, trắng và màn hình văn bản.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 4**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra các video và máy tính.

Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các Triệu Chứng Thường Gặp	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.• Chạy chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none">• Bỏ các cáp video nối dài.• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.
Video bị rung/ động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none">• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.

Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn bật-tắt luân phiên. • Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Điểm Ảnh Bị Kẹt	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn bật-tắt luân phiên. • Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD.
Đường Ké Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. • Chạy chẩn đoán tích hợp.
Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vệt như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. • Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào. • Liên hệ với Dell ngay.
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. • Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.

Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi cài đặt của Preset Modes (Chế độ cài đặt trước) trong OSD menu Color (Màu) tùy thuộc vào ứng dụng. Điều chỉnh giá trị R/G/B dưới Custom Color (Màu Tùy Chỉnh) trong OSD menu Color (Màu). Thay đổi Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào) sang PC RGB hoặc YPbPr trong OSD menu Color (Màu). Chạy chẩn đoán tích hợp.
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế Độ Quản Lý Điện). Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.

Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình) trong OSD menu Display (Hiển Thị). Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình. Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên cạnh nút Nguồn trong 10 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem Lock (Khóa)).
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán tích hợp.

Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Cổng USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu nối xuống).• Tắt rồi bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính.• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.
Cổng USB 3.0 tốc độ cao bị chậm	Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cao chạy chậm hoặc không chạy chút nào	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không.• Một số máy tính có cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu nối xuống).• Khởi động lại máy tính.
Chuột không dây không hoạt động hoặc bị trễ	Không đáp ứng hoặc đáp ứng chậm	<ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ tiếp nhận USB không dây.• Đặt bộ tiếp nhận USB không dây của bạn càng gần với chuột không dây càng tốt.• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ tiếp nhận USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt.

Các Vấn Đề Cụ Thể Với Liên Kết Di Động Độ Phân Giải Cao (MHL)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Giao diện MHL không hoạt động	Không thể nhìn thấy hình ảnh thiết bị MHL hiển thị trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp MHL và thiết bị MHL được chứng nhận MHL.• Kiểm tra để thiết bị MHL đã được bật.• Kiểm tra để thiết bị MHL không ở chế độ Chờ.• Kiểm tra để kết nối cáp MHL vật lý tương ứng với nguồn vào được lựa chọn trên Menu OSD ví dụ, HDMI (MHL) 1 hoặc HDMI (MHL) 2.• Chờ khoảng 30 giây sau khi kết nối cáp MHL do một số thiết bị MHL cần có thời gian hồi phục lâu hơn.

Phụ Lục

CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn



CẢNH BÁO: Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

Thông Báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).



CHÚ Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

Để có nội dung hỗ trợ Màn hình trực tuyến:

- 1 Hãy vào www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật, hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

- 1 Hãy vào www.dell.com/support.
- 2 Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống **Choose A Country/Region (Chọn quốc gia/khu vực)** ở dưới cùng trang.
- 3 Nhấp vào **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang.
- 4 Chọn đường dẫn hỗ trợ hoặc dịch vụ theo nhu cầu của bạn.
- 5 Chọn phương thức liên lạc với Dell thuận tiện cho bạn.

Cài Đặt Màn Hình Của Bạn

Cài đặt độ phân giải hiển thị

Để đạt hiệu quả hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft® Windows®, đặt độ phân giải sang **1920 x 1200** điểm ảnh bằng các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Chỉ với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
- 3 Nhấp vào danh sách Thẻ Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **1920 x 1200**.
- 4 Nhấp vào **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
- 2 Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1200**.
- 4 Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy độ phân giải khuyến dùng, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả đúng nhất hệ thống máy tính bạn đang sử dụng, và làm theo các bước đã cho.

Nếu bạn có máy tính để bàn Dell™ hoặc máy tính xách tay Dell™ có internet

- 1 Đi đến www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.
- 2 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bo mạch đồ họa của bạn, hãy đặt lại độ phân giải sang **1920 x 1200**.



CHÚ Ý: Nếu bạn không thể đặt độ phân giải sang 1920 x 1200, hãy liên hệ với Dell™ để hỏi về bo mạch đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn không có máy tính để bàn, máy tính xách tay Dell™, hoặc các đồ họa

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Chỉ với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cá nhân hóa**.
- 3 Nhấp vào **Thay Đổi Các Thiết Đặt Hiển Thị**.
- 4 Nhấp vào **Thiết đặt Chuyên sâu**.
- 5 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên cùng của cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel vv).

- 6 Tham khảo trang web nhà cung cấp các đồ họa để tải trình điều khiển cập nhật (ví dụ, <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
- 7 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bo mạch đồ họa của bạn, hãy đặt lại độ phân giải sang **1920 x 1200**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
- 2 Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1200**.
- 4 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên cùng của cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v).
- 5 Tham khảo trang web nhà cung cấp các đồ họa để tải trình điều khiển cập nhật (ví dụ, <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
- 6 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho bo mạch đồ họa của bạn, hãy đặt lại độ phân giải sang **1920 x 1200**.



CHÚ Ý: Nếu bạn không thể đặt được độ phân giải khuyến nghị, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc xem xét mua bo mạch đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video đó.